

Số: 48/TB-ĐHSPKTVL-ĐT

Vĩnh Long, ngày 19 tháng 6 năm 2023

THÔNG BÁO TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 2 - NĂM 2023

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2 - năm 2023 với các nội dung như sau:

I. CÁC NGÀNH TUYỂN SINH

TT	NGÀNH DỰ TUYỂN	MÃ NGÀNH	CHỈ TIÊU	CÁC CHUYÊN NGÀNH	PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH
1	Kỹ thuật cơ khí	8520103	30	- Cơ khí ô tô; - Giao thông; - Cơ khí chế tạo máy; - Cơ khí - Cơ điện tử. - Kỹ thuật nhiệt	Xét tuyển
2	Kỹ thuật điện	8520201	20		
3	Công nghệ thông tin	8480201	20		
4	Công nghệ thực phẩm	8540101	20	- Chế biến thực phẩm; - Kiểm nghiệm thực phẩm; - Quản lý chất lượng sản phẩm; - Khoa học thực phẩm.	

II. ĐIỀU KIỆN ĐỐI VỚI NGƯỜI DỰ TUYỂN

1. Điều kiện về văn bằng

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; hoặc ngành gần ngành đăng ký dự tuyển phải học bổ sung kiến thức;

b) Danh mục ngành phù hợp có và không có bổ sung kiến thức, học phần bổ sung kiến thức được thể hiện ở Danh mục các ngành dự tuyển tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2023 (Danh mục đính kèm).

c) Trường hợp ngành tốt nghiệp đại học không có tên trong danh mục ngành phù hợp (có và không có bổ sung kiến thức) do ngành tốt nghiệp không còn đúng tên trong Danh mục cấp IV hiện tại của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc tốt nghiệp đại học nước ngoài thì

ứng viên vẫn được nộp hồ sơ đăng ký nếu có nhu cầu và Hội đồng tuyển sinh Trường sẽ xét duyệt hồ sơ của từng trường hợp.

d) Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

2. Điều kiện về ngoại ngữ

Có năng lực ngoại ngữ tương đương Bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam cụ thể như sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường Đại học Sư Phạm Kỹ thuật Vĩnh Long cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tối thiểu bậc 3/6 trở lên theo Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại *Phụ lục* của Thông báo này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

d) Đối với ứng viên chưa đủ điều kiện ngoại ngữ ở các mục a, b, c Trường Đại học Sư Phạm Kỹ thuật Vĩnh Long tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào bậc 3/6 (B1) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam tại thời điểm tuyển sinh của từng đợt.

e) Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt.

3. Về kinh nghiệm và công tác chuyên môn

a) Ứng viên tốt nghiệp đại học ngành phù hợp (không bổ sung kiến thức) được đăng ký dự tuyển ngay sau khi tốt nghiệp.

b) Ứng viên tốt nghiệp đại học ngành phù hợp có bổ sung kiến thức được đăng ký dự tuyển sau khi đã học bổ sung kiến thức theo quy định của Trường Đại học Sư Phạm Kỹ thuật Vĩnh Long.

4. Đối tượng và chính sách ưu tiên

a) Người có thời gian công tác liên tục 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hiện hành. Trong trường hợp này, ứng viên phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền. Ứng viên không cung cấp minh chứng hoặc minh chứng không hợp lệ sẽ không được xét tuyển.

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

c) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

d) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên tại các địa phương được quy định là khu vực 1 theo khoản a của mục này.

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

Ứng viên nộp hồ sơ ưu tiên cùng với thời điểm nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển. Không nhận hồ sơ ưu tiên sau khi đã công bố kết quả trúng tuyển.

Người dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên quy định (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) ứng viên được cộng nửa điểm (0.5 điểm) theo thang điểm 10 vào kết quả xét tuyển.

III. ĐỊA ĐIỂM, HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

a) Địa điểm đào tạo: đào tạo tập trung tại Trường Đại học Sư Phạm Kỹ thuật Vĩnh Long theo hình thức tín chỉ.

b) Hình thức đào tạo: chính quy.

c) Thời gian đào tạo: từ 1.5 năm đến 2 năm.

IV. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

1. Xét tuyển thẳng

Thời gian tuyển thẳng tối đa là 24 tháng tính từ ngày ký văn bằng tốt nghiệp hoặc quyết định công nhận tốt nghiệp đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển.

Người tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) và có năng lực ngoại ngữ theo quy định gồm:

- Người tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học chính quy (hoặc trình độ tương đương trở lên) với chương trình đào tạo từ 150 tín chỉ trở lên;

- Người tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học chính quy loại giỏi có điểm trung bình tích lũy từ 8.0 trở lên (theo thang điểm 10);

- Người tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học chính quy là thủ khoa của ngành;

- Người tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học đạt giải nhất, nhì, ba các kỳ thi Olympic sinh viên trong nước và ngoài nước.

Ngành đúng với ngành đăng ký tuyển thẳng quy định tại *Phụ lục* của Thông báo này.

2. Xét tuyển

a) Xét tuyển đối với trình độ đại học và văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3/6 trở lên.

Căn cứ vào Bảng điểm hay Phụ lục văn bằng tốt nghiệp đại học hoặc tương đương.

- Đối với các ứng viên có Bảng điểm hay Phụ lục văn bằng tốt nghiệp thể hiện cả điểm trung bình tích lũy toàn khóa theo thang điểm 10 và thang điểm 4; điểm sử dụng để quy đổi xét tuyển là điểm tính theo thang điểm 10.

- Đối với các ứng viên có Bảng điểm hay Phụ lục văn bằng tốt nghiệp chỉ được tính theo thang điểm 4, quy đổi về thang điểm 10 để tính điểm xét tuyển.

Ví dụ: Ứng viên có

Điểm tích lũy toàn khóa theo thang điểm 4: 3.5

Quy đổi theo thang điểm 10: 8.75

Điểm được sử dụng để xét tuyển trình độ thạc sĩ là: 8.75

Phương thức xét tuyển:

Căn cứ vào điểm trung bình tích lũy trong Bảng điểm hay Phụ lục văn bằng tốt nghiệp đại học hoặc tương đương, Hội đồng tuyển sinh xác định phương án điểm trúng tuyển, xét theo thứ tự cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.

b) Điểm thưởng về thành tích nghiên cứu khoa học:

Người dự tuyển có công bố khoa học trên các tạp chí chuyên ngành được tính điểm của Hội đồng Chức danh Giáo sư nhà nước (HĐCDGSNN), theo ngành đào tạo. Cụ thể như sau:

- Là tác giả chính (tác giả đứng đầu hay tác giả liên hệ): cộng 0.5 điểm (tính trên thang điểm 10)

- Là đồng tác giả: cộng 0.25 điểm (tính trên thang điểm 10)

Điểm thưởng tối đa đối với mỗi ứng viên là nửa điểm (0.5/10). Trường hợp ứng viên có nhiều hơn 01 bài báo khoa học, chỉ chọn 01 bài báo có điểm cộng cao để tính điểm thưởng xét tuyển.

Tổng điểm xét tuyển: Điểm trung bình tích lũy đại học (đã quy đổi) + Điểm thưởng thành tích nghiên cứu khoa học (nếu có) + Điểm ưu tiên (nếu có).

V. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

Hồ sơ tuyển sinh do Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long phát hành, bao gồm:

a) Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long), trong đó cần ghi rõ chuyên ngành, đối tượng dự tuyển, nghề nghiệp và nơi làm việc, cam kết thực hiện Quy chế sau khi trúng tuyển.

b) Bản sao có công chứng các văn bằng và chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp đại học, bảng điểm đại học, Bằng Cao đẳng + Phiếu điểm (Nếu học liên thông đại học);

- 01 chứng minh nhân dân/Căn cước công dân;

- Công nhận hoàn thành việc bổ sung kiến thức (BSKT) do Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long quy định có giá trị trong vòng 3 năm tính đến ngày nộp hồ sơ (nếu thuộc diện phải bổ sung kiến thức);

- Sơ yếu lý lịch: Có xác nhận của thủ trưởng cơ quan hoặc chính quyền địa phương nơi ứng viên cư trú;

- Giấy chứng nhận đủ sức khoẻ học tập: Do bệnh viện đa khoa tuyến huyện, thành phố trở lên cấp không quá 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ;

- Các giấy tờ pháp lý về đối tượng ưu tiên (nếu có): Được xác nhận của cấp có thẩm quyền (các giấy tờ ưu tiên phải trình bản gốc khi nộp hồ sơ dự tuyển và nộp lại bản photocopy có công chứng);

- Chứng nhận ngoại ngữ hoặc các văn bằng chứng chỉ ngoại ngữ để xét tuyển.

- Giấy xác nhận văn bằng tương đương của Cục Quản lý chất lượng giáo dục đối với trường hợp văn bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp (01 bản sao có thị thực hoặc bản photocopy, có mang theo bản gốc để đối chiếu).

- Công bố khoa học trên các tạp chí chuyên ngành được tính điểm của Hội đồng Chức danh Giáo sư nhà nước (01 bản sao, nếu có).

c) Nộp 02 phong bì có dán tem và ghi địa chỉ người nhận.

d) Nộp 04 ảnh màu mới chụp (cỡ 3x4): Ghi rõ họ tên, chuyên ngành đăng ký dự thi phía sau ảnh.

Tất cả các giấy tờ trên được đựng trong túi hồ sơ có đề rõ họ tên, địa chỉ, số điện thoại liên hệ ở phía ngoài.

VI. ĐIỀU KIỆN TRÚNG TUYỂN, XÉT TUYỂN

Căn cứ vào chỉ tiêu cho từng ngành/chuyên ngành đào tạo và tổng điểm xét tuyển (không tính điểm ngoại ngữ), hội đồng tuyển sinh xác định phương án điểm trúng tuyển, xét theo thứ tự cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.

Trường hợp có nhiều ứng viên có cùng tổng điểm xét tuyển (đã cộng điểm thưởng, điểm ưu tiên, nếu có) thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Ứng viên là nữ ưu tiên theo quy định tại Khoản 4, Điều 16 Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 về các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới;

b) Người có điểm cao hơn của môn cơ sở ngành, chuyên ngành;

c) Người được miễn thi ngoại ngữ hoặc người có điểm cao hơn của môn ngoại ngữ.

d) Ứng viên tốt nghiệp đại học ngành gần phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức trước khi dự tuyển theo quy định của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long.

VII. HỌC PHÍ VÀ KINH PHÍ ĐÀO TẠO

Sau khi trúng tuyển, học viên thực hiện nghĩa vụ đóng học phí đào tạo trình độ thạc sĩ theo quy định của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long.

VIII. HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC

- Ứng viên phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức trước khi dự tuyển theo quy định.

- Thời gian đăng ký học bổ sung kiến thức: ứng viên thuộc đối tượng bổ sung kiến thức đăng ký khi đến nộp hồ sơ. Lịch học cụ thể từng môn được thông báo tại phòng Đào tạo, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long.



IX. LỆ PHÍ:

- Bổ sung kiến thức 615.000 đồng/tín chỉ.
- Lệ phí xét tuyển hồ sơ 100.000 đồng/hồ sơ.
- Lệ phí dự tuyển 1.000.000 đồng/ứng viên.

X. PHƯƠNG THỨC NHẬN HỒ SƠ

Nhận trực tiếp hoặc chuyển Phát nhanh qua đường Bưu điện đến phòng Đào tạo.

XI. THỜI GIAN NHẬN HỒ SƠ

Nhận hồ sơ xét tuyển đào tạo trình độ Thạc sĩ từ ngày ra Thông báo tuyển sinh đến hết ngày 15/11/2023.

Địa điểm phát và nhận hồ sơ:

Phòng Đào tạo (Phòng A1.01 - Tầng 1 Nhà A).

Địa chỉ: Số 73 Nguyễn Huệ, Phường 2, TP. Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long.

Điện thoại liên hệ: 02703.862.290. Website: www.vlute.edu.vn

Email: sdhvlute@vlute.edu.vn

Hoặc tại các đơn vị phối hợp tuyển sinh với Trường Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long.

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long trân trọng thông báo để những người có đủ điều kiện dự tuyển biết, đăng ký và nộp hồ sơ đúng thời hạn.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Lao Hùng Phi

Ghi chú:

- Khi nộp hồ sơ đăng ký dự thi, ứng viên vui lòng xem kỹ điều kiện được dự thi theo thông báo tuyển sinh của Trường. Hồ sơ dự thi nếu không được Hội đồng Tuyển sinh của Trường xét duyệt sẽ không hoàn trả lệ phí và hồ sơ đã nộp.
- Tất cả các văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ của ứng viên dự tuyển sẽ được thẩm định theo đúng quy định của pháp luật. Nếu văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ của ứng viên không hợp lệ thì kết quả thi của ứng viên sẽ bị hủy bỏ và cá nhân ứng viên phải chịu trách nhiệm trước cơ quan pháp luật theo quy định.

PHỤ LỤC 1

Ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và các học phần bổ túc kiến thức ngành gần trong các kỳ thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ của trường Đại học SPKT Vĩnh Long

TT	Chuyên ngành	Tên ngành đúng và phù hợp	Ngành gần		
			Tên ngành đại học	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
1	Kỹ thuật Cơ khí Chế tạo máy	<ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ Chế tạo máy; - Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí; - Kỹ thuật Cơ khí; - Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử; - Kỹ thuật Cơ điện tử; - Cơ kỹ thuật. - Kỹ thuật công nghiệp - SP Kỹ thuật công nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ Kỹ thuật Giao thông; - Kỹ thuật Hàng không; - Kỹ thuật tàu thủy; - Kỹ thuật hệ thống Công nghiệp; - Quản lý Công nghiệp; - Công nghệ kỹ thuật nhiệt; - Kỹ thuật nhiệt; - Công nghệ Kỹ thuật Vật liệu. - Kỹ thuật cơ khí ô tô; - Công nghệ Kỹ thuật Ô tô; - Kỹ thuật cơ khí động lực; 	1. Công nghệ Chế tạo máy.	4
				<ul style="list-style-type: none"> 2. Truyền động Thủy lực Khí nén. 3. Các phương pháp gia công đặc biệt. 	2 2
2	Kỹ thuật cơ khí Ô tô	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật cơ khí ô tô; - Công nghệ Kỹ thuật Ô tô; - Cơ khí động lực; - Kỹ thuật tàu thủy; 	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật cơ khí; - Công nghệ kỹ thuật cơ khí; - Công nghệ kỹ thuật nhiệt; 	<ul style="list-style-type: none"> 1. Lý thuyết ô tô. 2. Nguyên lý kết cấu Động cơ đốt trong. 3. Kết cấu – Tính toán ô tô. 	3 3 2

TT	Chuyên ngành	Tên ngành đúng và phù hợp	Ngành gần		
			Tên ngành đại học	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
		<ul style="list-style-type: none"> - Động cơ đốt trong. - Kỹ thuật công nghiệp; 	<ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử; - Kỹ thuật máy nông nghiệp; - Cơ khí; - Cơ khí chế tạo máy. - Công nghệ Kỹ thuật Giao thông; - Kỹ thuật Hàng không; 	4. Hệ thống điện động cơ.	2
3	Công nghệ thông tin	<ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ Thông tin; - An toàn thông tin. - Khoa học máy tính; - Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; - Kỹ thuật phần mềm; - Hệ thống thông tin; - Kỹ thuật máy tính; - Trí tuệ nhân tạo; - Công nghệ kỹ thuật máy tính; 	<ul style="list-style-type: none"> - Su phạm Tin học; - Toán tin; - Vật lý – Tin học; - Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; - Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; - Tin học quản lý; 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Toán rời rạc 2. Cơ sở dữ liệu 3. Cấu trúc dữ liệu và giải thuật 4. Phân tích và thiết kế hệ thống 5. Xử lý ảnh 6. Trí tuệ Nhân tạo 7. Lập trình hướng đối tượng 	2 3 3 3 3 3 3
4	Kỹ thuật điện	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật điện, điện tử - Kỹ thuật điện. - Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật ra đa- dẫn đường. - Kỹ thuật điện tử - viễn thông. - Kỹ thuật điện tử. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Mạch điện 2. Máy điện. 3. Cung cấp điện. 	4 2 2



TT	Chuyên ngành	Tên ngành đúng và phù hợp	Ngành gần		
			Tên ngành đại học	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
		<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá. - Kỹ thuật công nghiệp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử. - Công nghệ kỹ thuật nhiệt - Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông. - Kỹ thuật cơ điện tử. - Vật lý 		
5	Công nghệ thực phẩm	<p>Ngành đúng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ thực phẩm - Kỹ thuật thực phẩm <p>Ngành phù hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ sau thu hoạch - Công nghệ chế biến thủy sản - Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm 	<ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ sinh học - Kỹ thuật sinh học - Sinh học ứng dụng - Sinh học - Dinh dưỡng - Công nghệ kỹ thuật môi trường - Kỹ thuật môi trường - Công nghệ kỹ thuật hóa học - Kỹ thuật hóa học - Hóa học 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyên lý bảo quản và chế biến thực phẩm 2. Hóa học thực phẩm 3. Hóa sinh thực phẩm 4. Công nghệ sau thu hoạch 	<p>2</p> <p>2</p> <p>2</p> <p>2</p>





PHỤ LỤC 2

BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG HOẶC CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 VÀ BẬC 4 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ / Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 -6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance francaise diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2